TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm
Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Phương N, sinh năm 1977; Cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983; Cư trú: Ấp K xã K, huyện T, tỉnh C (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Phương N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ngô Phương N và anh Nguyễn Văn K kết hôn ngày 09/3/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù đã được đôi bên gia đình hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không có thiện chí hàn gắn trở lại. Do không còn tình cảm với anh K nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 05/11/2010 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 29/01/2013, hiện nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con,

yêu cầu anh K cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/01 con, cho đến khi các con thành niên.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh K để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh K không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K về các nội dung khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Phương N và anh Nguyễn Văn K xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị N xác định, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù đã được đôi bên gia đình hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay nên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; vợ chồng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân; hiện nay chị N không còn tình cảm với anh K nên cương quyết xin ly hôn.

Về phía anh K, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng anh K không có mặt, điều này cho thấy anh K không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị N.

Do chị N và anh K đã sống ly thân, không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị N và anh K đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N và anh K ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 05/11/2010 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 29/01/2013, hiện nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Xét thấy, từ khi chị N và anh K ly thân đến nay các cháu Khang, Ý do chị N trực tiếp nuôi dưỡng; các cháu Khang, Ý cũng có nguyện vọng được sống với mẹ là chị N. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu Khang, Ý, Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao các cháu Khang, Ý cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh K không trực tiếp nuôi dưỡng các con nên anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con. Về mức cấp dưỡng, xét thấy mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu là phù hợp với điều kiện sinh hoạt tại địa phương và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh K cấp dưỡng cho các cháu Khang, Ý mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh K về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh K về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn, bị đơn anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Phương N.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Phương N và anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 05/11/2010 và cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 29/01/2013 cho chị Ngô Phương N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khang, cháu Ý mà không ai được cản trở; anh K có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Khang, cháu Ý được sống chung với chị N.

Buộc anh Nguyễn Văn K cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Duy Khang mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Khang thành niên; cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Như Ý mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Ý thành niên.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí:

- Chị Ngô Phương N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 30/01/2023 chị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006064 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

- Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Ngô Phương N có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà